

Chuyến xe

ĐỒI

Huỳnh Thị Kim Oanh

Tôi đứng ngơ ngác giữa một nơi không biết phải nói như thế nào cho đúng. Ngơ ngác thật sự của một con mán thành phố về. Con mán băng qua bao nhiêu biển cả, núi rừng, sông rạch, phố phường ...về đứng đây mà ngơ ngác. Nó đứng ngay giữa góc xã hội của thế kỷ thứ hai mươi mốt!

Tôi cứ đứng đó vì không biết phải đi về hướng nào - những âm thanh như cuốn tôi vào cơn bão xoáy cho lòng bùng nổ tai và hoa mắt, rối mù. Ôm cái xách tay vào ngực, tôi lay hoay hết nhìn bên này lại nhìn sang bên kia tìm kiếm .. Từ những ngăn ô được phân chia với những bảng hiệu chỉ rõ tuyến đường nam trung bắc - những cánh tay vươn ra vẫy ngoắc cùng với tiếng réo gọi mà tôi nghe như mình đang đứng ở thuở xa xưa lúc tan trường về - ráng chen vô một đám đông đứng thành một vòng tròn rộn rã với tiếng phèn la chập choả vang trời dậy đất mỗi khi người đàn ông mặc cái quần xà lỏn với chiếc thắt lưng màu đỏ to bản quần quanh bụng la lên “ a , cái lầy bên lầy mua hai chai. Á, bên kia một chai”....Bà con cô bác coi đây: tui nhờ cái răng cho người này không có đau, không có chảy máu” “mua đô mua đô...” Và con khỉ nhỏ xíu mặc cái áo đầm chạy theo người đàn ông để làm vui cho mọi người - trong đó có tôi là đứa thích con khỉ đến nỗi ước gì mình có được nó...Tất cả như có một ma lực níu tay người, như bây giờ cái ma lực ấy đang

nú tôi .

- Đây chị ơi, vé bán đây.
- Đây cô ơi, xe sắp đầy khách rồi!
- Đây đi Hà nội cô ơi!
- Đây đi Qui Nhơn chị ơi!

Đây, đây, đây... những cái đây của người mãi võ sơn đông, những tiếng chập chỡ vang trời dậy đất năm xưa lại về!

Tôi bối rối đến nỗi không còn biết phải làm sao để mua được vé mà đi đây - phần lo sợ bị giựt cái xách, phần lo không mua được vé đến mồ hôi toát ướt đầm cả mặt. Làm sao đây chớ...

Hỏi hoài không tự trả lời được thôi thì đã trót vào đứng đây như đã đứng trong thiên la địa võng phải giống như người ta thôi - nghĩa là cũng như năm xưa ránh chen người mà đi kiếm.

Lạ lùng quá đỗi, tôi thấy mỗi người phụ trách một tuyến xe nơi đến, đứng ngay trước tấm biển, vậy sao người vẫn cứ xô đẩy chen lấn mà kiếm tìm. Rồi hồi hả, vội vội vàng vàng, ngơ ngơ ngác ngác ... Không cần biết chung quanh cứ bương mà đi...Tôi chóng mặtmuốn bỏ cuộc đi về. Nhưng đã bao lần hứa rồi mà. Thôi ránh lên đi!

Tôi hít một hơi thở sâu rồi mạnh dạn ta cũng như ai - cuối cùng tôi lần mò cũng tìm được nơi mình mong đợi. Tôi hỏi họ chỉ qua quày bên cạnh - may quá bây giờ họ biết tôi đi đâu rồi!

Cầm vé tôi theo người tài xế ra xe. Quả thật chiếc xe đang nổ máy như họ nói sắp chạy rồi! Tôi trèo lên xe - trời đất, trên xe chỉ có mấy người!

- Chị ơi, em nhứt đầu quá. Chị làm ơn... giựt gió giùm em chút.

Người đàn bà trẻ đang ngồi co ro ôm đầu rên rĩ khi tôi vừa ngồi xuống. Trời ơi, làm sao mà làm được đây. Cái số tôi sao màtôi than thảm trong bụng rồi xin lỗi không thể... giựt giùm gió được!

Tôi bảo mua thuốc uống đi em. Thôi chị ơi! Thuốc giả không hà. Vậy thì mua chai dầu. Cũng có thiệt đâu mà mua

chi uồn tiền!

Lại tiếp tục năn nitôi vẫn từ chối. Người đàn bà trẻ bỗng ngồi xích lại gần tôi hơn. Bất chợt tôi hoảng hốt, giựt mình ôm chặt cái túi xách vào ngực. Tôi mò coi cái ví đựng tiền, giấy tờ bỏ trong túi trước quần jean. May quá vẫn còn nguyên!

Chẳng là những năm xưa khi tôi đứng bán thuốc tây ngoài chợ trời - đi lấy hàng có lúc bằng xe đạp, có lúc xe lam. Hôm ấy tôi đi xe lam vì không đạp xe nổi nữa. Tôi ngồi giữa hai người đàn bà cũng trẻ như người hôm nay. Bên kia băng có ba người. Xe chạy một hồi, người ngồi bên cạnh tôi bỗng dung đưa tay lên vuốt tóc tôi bảo rằng tóc tôi màu nâu đậm đẹp quá. Tôi cảm ơn, ngồi xích ra một chút. Trời cho tôi có được cái giác quan thứ mấy mươi không biết, tôi bỗng nhận ra những người ngồi bên tôi và đối diện không bình thường. Tôi bắt đầu sợ. Nhưng không dám tỏ ra một cử chỉ nào để cho họ có thể biết tôi biết họ thuộc thành phần nào trong cái xã hội mới này. Tôi cười rất hiền và ngồi xích ra thêm một chút xiu nữa. Nó biết. Bởi tôi thấy phía hàng ghé bên kia, họ đang chuyển sau lưng nhau một cái gì đó. Họ ngồi như tôi, như những hành khách khác vừa mới lên đầy xe, họ ngồi ngoan lắm nhưng trong tia mắt họ ngầm bảo tôi hãy im! Bên tai tôi bỗng có tiếng thì thầm “biết thì ngồi im, không tao rạch mặt”.

Câu này đã thì thầm bao nhiêu lần với bao nhiêu khách lên xuống mỗi ngày. Ai như bà cô tôi - đã báo cho người ngồi đối diện. Bà phải gần như quỳ lạy chúng tha cho tội thương người của bà!

Khi xe lam dừng lại ở trạm cuối cùng, bọn họ nhảy xuống rồi mất hút trong đám đông thời hoà bình rộn ràng chói khỏ. Tôi nói cho người đàn bà người tàu biết. Bà cúi xuống coi lại cái giỏ nhựa đặt ở chân, bất chợt la lên rồi ngã xuống bất tỉnh - bà đã mất hết số tiền được gói trong tờ báo cũ theo tôi không phải là ít - có thể bà đem đi gửi cho ai.

Bà vạt vã. Tôi khóc theo. Những giọt nước mắt của kẻ bắt

lực trước điều ác.

Giờ đây, tôi phải cảnh giác dù lòng không muốn, không còn tin vào điều ác sẽ xảy ra.

- Đau đầu thì phải uống thuốc, chớ giựt gió làm sao mà bớt được.

Người đàn bà lớn tuổi mang trước bụng một cái hộp như cái khay đựng đủ thứ thuốc tây, thuốc hút, đủ loại dầu đủ cho một chuyến đi xa - xuất hiện trước cửa xe.

- Tui nói rồi. Không mua. Thuốc giả không mua chi ...

Một cuộc khẩu chiến bùng ra giữa hai người. Tôi điếng ruột điếng gan vì sợ vì phải nghe những lời vô cùng tàn nhẫn dành cho nhau giữa những người cùng khổ!

Tôi bảo người trẻ nín đi cho rồi. Làm ơn đi.

Cuộc chiến chấm dứt nhưng vẫn chưa nguôi nổi tức giữa hai con người.

Tôi nhìn người đàn bà lớn tuổi bỗng xót xa thương. Thương bởi nắng mưa dầm dãi của trời, nắng mưa của thời gian, nắng mưa của cuộc đời, của xã hội mới đầy những bất an và vô vọng ... đã cày xéo trên khuôn mặt bà những đường, những rãnh nông sâu dày xéo đan nhau khiến bà trở thành người đi trước thời gian của hạn tuổi chưa phải là già. Bà đi trước thời gian xa lắm!

- Mía đây, mía đây. Một ngàn một bịch đây!

- Trà đá không chị, trà đá không cô?

- Nước sâm lạnh đây. Nước mát đây. Uống một bịch khoẻ tới trời luôn đây!

- Nè (có tiếng Đan Mạch kèm theo), sao mà dám kéo bà lên xe mà. Khách của tao...

- Tiếng Đan Mạch trả lại - làm sao tao biết. Tao thấy bà dáo dác thì tao kéo...

- Xe chạy liền chú ơi! Lên xe tui chạy liền ...

- Trời ơi, cái túi xách của tui chú kéo đi đâu dzậy?

Tiếng rao hàng, tiếng chửi bới, tiếng xe nổ rền trong cái không gian khói bụi mịt mờ đến nghẹt thở. Sao không có một

nắm gió nào cho tôi chút mát. Nắng bắt đầu gay gắt đổ xuống tràn lan tung toé như thiêu như đốt chiếc xe tôi đang ngồi chịu trận.

Một ngàn năm nữa rồi cũng sẽ như thế này? Hay muôn thuở sẽ không đổi thay khi còn có cơn bão táp hoà bình sau chiến tranh nôi da xáo thịt tương tàn.

Tôi ngồi dựa lưng vào ghế cố nhắm mắt để không nghe, không thấy những âm thanh, những hình ảnh - những mảnh đời khốn khổ như những con rối múa may quay cuồng trên sân khấu kịch đời ...

Sao tôi không thấy mình thay đổi ý định xuống xe về nhà không đi nữa. Cũng lạ. Nhưng... biết có còn gặp lại mà hẹn với hò. Ngồi im đi hỉ. Cứ nghĩ đang ngồi đâu đó trong khu vườn nhà anh thì thấy mát và khoẻ liền. Nóng một chút, khổ một chút đã sao đâu mà làm bộ hoài!

- Chạy đi anh ơi. Anh nói chạy liền mà sao hồi này giờ vẫn cứ liền hoài liền hoài không thấy xe nhúc nhích?

Người đàn bà ngồi ôm đứa con nhỏ phía trước như đã quá sốt ruột đợi chờ lên tiếng. Chị quay xuống phân trần cùng tôi :

- Chị biết không, em đi từ ba giờ khuya hôm qua lên thành phố (Sài Gòn) khám bác sĩ (!), không có bà con nên hai mẹ con ngủ lây lất trong hành lang bệnh viện. Giờ ngồi đây lại chờ lại đợi. Khổ sao mà khổ quá chị ơi!

Tôi đưa tay vỗ vỗ trên lưng đứa bé èo uột, vuốt vuốt đôi vai gầy người đàn bà như một an ủi. Tôi biết nói gì với người đàn bà tội nghiệp này đây. Biết nói gì với cuộc đời khi tôi không thể giúp gì được. Chỉ biết thở dài, lòng nặng trĩu buồn.

Rồi xe cũng ra khỏi bến. Tôi nghe như có tiếng thở phào nhẹ nhõm của mọi người. Ôi cha, sắp đến nơi anh ở rồi. Ráng đi nghe. Chỉ hai giờ nữa thôi!

Xe chạy ngoằn ngoèo như múa, như xiếc len lỏi qua những chiếc xe trước để dành đón thêm khách cho đầy. Không nghe thấy ai phản đối than phiền về sự việc quá nguy hiểm này -

hình như là chuyện thường ngày của xã hội thời hoà bình được lập lại!

Người ta ở khách sạn năm sao, tôi đi chuyến xe ngàn gió. Gió ở đâu không biết lồng lộng rú nắng cùng nhau chui qua khung cửa sổ đập vào tấm bảng “Xe Có Máy Lạnh” liên hồi. Gió xoáy tóc tôi rối bời, gió vuột mặt tôi không nể nang kiêng dè. Gió quạt vào những tấm màn che cửa sổ nghe phân phật cho bụi bay tung toé. Tôi nhảy mũi liên tục, vội vàng kéo cửa sổ kín lại. Nhưng chỉ mười phút sau có tiếng chị ơi, mồ hôi mồ kê ướt đầm rồi đây nè! Tôi sợ bị nghe mắng nên vội vàng mở cửa sổ ra. Thật tình tôi cũng đâu có thua chi họ - lung tôi, tóc tôi ướt nhèm nhẹ!

Tôi giật mình hoảng hốt bám chặt tay, níu cái thành ghế phía trước khi chiếc xe bỗng dừng quay ngoặt đầu lại, dồn khách nghiêng đổ qua tay trái. Tôi bị đẩy nghiêng đầu đụng vào thùng xe đánh bộp, ê âm cả đầu! . Nhiều tiếng la thất thanh...

Không, không có gì cả - xe quay đầu về lại.... SaiGon! . Không phải tai nạn! Có gì mà la thất thanh đến vậy kia chứ. Không phải là chuyện bình thường sao. Bình thường như ăn cơm mỗi ngày. Tôi không la, ngồi im thin thít vì sợ và cũng vì phục tài anh lái xe - chỉ chờ một khoảng trống giữa hai chiếc xe đang chạy vùn vụt, người lái xe - hình như... nhắm mắt bẻ tay lái liền (không nhắm mắt làm sao dám bẻ với bao sinh mạng trên xe!).

Trời ơi, con đang ở đâu đây vậy trời!

- Xin bà con thông cảm. Xin bà con thương cho chúng tôi - cho chúng tôi đón thêm khách chớ như vậy thì đói bà con ơi! Và coi như chúng tôi khuyến mãi “bà con một dịp để... ngắm cảnh lại!

(Tôi được biết từ khuyến mãi do khi đi mua sắm với các em ở Việt Nam nếu mình mua theo số tiền được ấn định của cửa hàng đưa ra thì mình sẽ được quà tặng hay được thưởng tiền theo phần trăm)

Mọi người phản đối quyết liệt nhưng làm được gì nhau đây, đành ngồi im để nghe để thấy mình bị thua bị gạt. Nghĩ cho cùng, chẳng đâu trên thế gian này có được! Tức thì... chết thôi!

Có hai người con gái nhảy xuống khỏi xe khi thấy mình bị gạt. Đồi thuở người ta đi một đàng, xe chạy một nẻo cũng... rước! Đứng dưới đất nhìn lên nguýt dài. Hai đôi mắt như bốn chiếc lá rau răm xếp lại: mấy người là đồ ba xạo!

Người lơ xe cười huýt hoát. Chuyện là chuyện bình thường! Rồi xe cũng quay đầu sau khi chạy vòng vòng, dừng, tấp vô lề, la hét khan cổcũng chỉ rước được hai cô gái nguýt dài, với cả tiếng đồng hồ cho xăng, phụ tùng hao mòn xe không tính đến. Thôi đừng lung tung nữa - lao nào rồi cũng sẽ rơi xuống sân nhà anh thôi mà!

- Anh lái xe ơi, anh làm ơn giúp cho tôi xuống chỗ này.

Tôi đưa cho người lái xe cái địa chỉ anh đã ghi cho tôi. Anh ta bảo còn xa lắm.

- Mà tôi nói giùm chị biết, không dễ cho chị đâu. Đi bộ xa lắm. Chị đi thăm người yêu sao lặn lội khổ vậy?

-Ui cha, không phải. Thăm người bạn. Thăm người yêu đâu khổ vậy anh.

Tôi cười.

- Vậy sao? Chắc người bạn này đặc biệt lắm dữ lắm?

- Ừ, cũng đúng đó. Thôi lo lái xe đi. Nhớ nhắc giùm tui khi đến ngã ba sông Ui nghen.

Nặng gắt hanh nồng, khô khốc. Chiếc xe lao đi theo gió. Tôi bán loạn cả hồn người, bởi hai dòng xe xuôi ngược như mắc cửi. Xe vẫn len lỏi lẩn chen - có lúc tôi như có thể sờ được chiếc xe tải đang sánh vai như bạn bè, sát bên tôi! Tôi đang làm gì đây. Chắc tôi đang cầm số mạng mình dâng lên Thượng Đế hay tôi đang đùa giỡn trên người ông? Chiếc xe bỗng dừng lại như con ngựa bị kéo miết dây cương...

- Thân, mù lem ngàn thân. Không tui đi xe khác. (thôi, mười

lăm ngàn thôi . Không thì tui đi xe khác)

- Bác ơi, giá này bèo lăm rồi.

- Mừ lem là mừ lem. Tui đi mẩu ngày, (mười lăm là mười lăm. Tui đi mỗi ngày)

Người đàn ông bước lên xe, ngồi ngay cạnh tôi. Tôi bỗng nghe như mình hết thấy nóng, hết thấy mình khùng điên theo chuyến xe.

- Chào cô.

- Dạ, chào chú.

Tôi lưỡng lự một chút rồi e dè hỏi người đàn ông với cái cười thân quen

- Chú ơi, xin lỗi chú có phải người Bình Định?

- Phải rầu. Nhưng tui ở Phù Mỹ.

- Dạ tôi ở Qui Nhơn.

- Trời woi, đây là ngư cùng xứ nẫu hủ? Đây bây giờ cô đi ngoài en Tết hé?

Giọng người đàn ông vui, chơn chất thân tình trong tiếng gió ào ào từ bên ngoài thổi rốc vào mặt tôi rất bỗng.

- Dạ không, tôi đi thăm người bạn ở ngã ba sông Ui.

- Sao cô đi xe này chi cho khổ đây? Còn khá xa. Đây cô không đi Qui Nhơn sao?

Trời ơi, Qui Nhơn ơi!

Tự nhiên phút chốc tôi đang đứng ở Qui Nhơn bên bờ biển trắng xoá sóng bạc đầu. Sóng sắp hàng vỗ ì oàm vào chân cát dưới hàng dương xanh mát bóng che. Tôi như trên con đường Gia Long ngàn năm vẫn hai dãy phố đối mặt nhau như hai chiếc bánh không bao giờ bị cắt. Con đường muôn năm không một bóng cây làm duyên như cô gái không son không phấn. Lạ lùng làm sao bởi những con đường kia với hai hàng cây xanh ngắt nghiêng ngả trong gió!

Nhưng con đường Gia Long những chiều nắng còn hanh hao, trên con phố đã dập diu con trai con gái lượn lờ bát phố. Bát phố ngẩn ngẩn ngơ ngơ, dịu dàng víu hai vạt áo bay bay.

Bát phổ nhìn không thấy ai vẫn thấy ai rất rõ ...Bát phổ cho đời thấy còn có ta. Bát phổ như không thấy chiến tranh - thật thanh bình cho đến khi nhìn thấy anh bạn học với bộ đồ trận hành quân về. Thôi chết rồi, vậy là chiến tranh có rồi sao?

Những con đường Phan Bội Châu, Võ Tánh, Nhà thờ... Nơi hò hẹn năm xưa. Những con đường nằm im nghe thấy chúng tôi đạp xe mỗi trưa trốn ngủ... cho đến khi dòng đời cuốn trôi chúng tôi mỗi đứa một nơi.

Tôi không biết phải chăng ai đã từng uống nước của Bình Định thì muôn ngàn năm không bao giờ cắt bỏ được sợi dây thiêng liêng vô hình nhưng chặt như da trời cuốn người Qui Nhơn lại không mở được. Đi đâu thì đi nhưng tim vẫn mang cái nẫu rất nẫu theo cùng không bỏ được. Chết thì chắc cũng tìm về nơi có Qui Nhơn mà lên chen vào đứng ngồi với nó. Ngó nó vậy nhưng thương không dứt được, không quên và cũng không chia lia được. Cái không gian, nơi chốn đi dăm phút đã trở về chốn cũ rất đậm ấm đầy tình và bình yên ấy đã ăn sâu vào tận gốc rễ tâm hồn, tế bào máu thịt của con người Bình Định

Tôi nhìn người đàn ông khắc khổ dáng gầy như què tôi cày lên sỏi đá - da ngăm đen với nét trầm tư của người lo nghĩ suy tư muộn phiền.

- Vậy hồi trước một ngàn chín trăm bảy mươi lăm chú làm gì và ở đơn vị nào

Người đàn ông nhìn lại tôi, rất bình tĩnh trả lời:

- Tui đi bộ đội (bộ đội)

Tôi nhòm dậy nhìn người đàn ông lần nữa. Không, ông không có vẻ gì của anh bộ đội.

Ông mang vẻ của một nhà giáo thì đúng hơn.

Tôi cười như đang đứng trên sân khấu:

- Vậy là chú ở bên kia chiến tuyến của tôi rồi!

Đến lượt người đàn ông nhìn tôi nghiêng nghiêng ánh mắt:

- Đây cô là... nữ quân nhân.

- Không, nhưng chồng tôi là sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà.

Tôi mỉm cười nhìn ông trả lời cũng rất bình tĩnh

Tự nhiên cơn gió như thấu được cái khó khăn giữa hai chúng tôi - sự căng thẳng xoay trở đối đáp với tình huống vô cùng hy hữu này nên gió đã rất đổi dịu dàng thổi lướt nhẹ qua không lật phật các màn cửa như trước nữa

- Chú coi, tôi với chú ở hai chiến tuyến từ đó đến giờ, nay vẫn hai chiến tuyến.

Người đàn ông nhíu mày như không hiểu.

Tôi cười chỉ thanh ghé chắn ngang giữa hai chiếc ghế chúng tôi.

Có một nỗi ngậm ngùi trong giọng nói của ông. Rất lâu, ông ngập ngừng:

- Tui có ngờ em đi lính Quốc Gia!

Tôi xoay hẳn người qua phía ông, kinh ngạc:

- Sao, chú nói sao? Chú có người em là lính của chế độ tôi sao?

Nét đau khổ hiện rõ trên khuôn mặt rám nắng gầy xương của người đàn ông làm tôi chùng lòng.

- Vậy nếu chẳng may chú... đụng độ em chú ngoài chiến trường, chú có...

Tôi có nhẫn tâm không khi hỏi câu này?

- Chiến tranh biết sao được cô. Thì cũng phải theo luật chiến tranh...

Có tiếng nuốt nước miếng. Không, tiếng mắc nghẹn tôi nghe.

- Em chú còn không?

Lại một tiếng nuốt nghẹn. Tôi không nghe tiếng trả lời. Người đàn ông đang cúi nhìn hai bàn tay ông đang đan vào nhau:

- Không còn. Chết rồi.

Tôi ngồi hẳn xuống ghế, nước mắt ứa ra khi nhìn người đàn ông như chết lặng bên cạnh.

Chiến tranh ơi! Ai tạo ra mi, ai sinh ra mi, ai nuôi dạy mi, ai cho mi cái quyền để gieo rắc bao khốn cùng cho con người với con người? Chiến tranh là trò đùa của mi chăng? Mi ác, mi không còn một chút lương tri, không còn trái tim máu đỏ nhân từ. Ai giết giùm mi cho con người bớt khổ, hết chia ly?

- Bây giờ chú có được ưu đãi gì không?

- Có, nhưng không bao nhiêu. Lớn tuổi lại hay đau yếu, nhưng tôi phải ráng làm thêm để nuôi sống bản thân và giúp con. Chúng nó còn khổ quá cô à. Đất nước mình còn nghèo....

Câu nói này tôi nghe ngày còn rất trẻ trong chiến tranh.

- Phải chi em tôi còn thì... (ngập ngừng) giờ này cũng được như cô

Tôi hiểu ông ta muốn nói gì. Và tôi hiểu cho ông.

- Phải chi hồi đó chú không đi bộ đội...

Một tiếng nuốt nước miếng ép tiếng thở dài, nhưng không được. Tôi nghe tiếng thở dài...

Gió chao nghiêng hứng lấy tiếng thở dài nào ruột vút bay ra cửa ...

- Ngã ba sông Ui chị gì đó ơi!

Tôi bước ngang qua mặt người đàn ông với một nụ cười. Nụ cười tôi đó ...ông muốn hiểu sao cũng được. Ông ngược nhìn tôi rất vội, nét vô hồn. Ánh mắt Qui Nhơn tôi sau bao năm ngưng tiếng súng sao trông thâm đậm và buồn hiu hắt quá!

Ông như làm gan ...bắt tay tôi. Tôi bắt tay ông và bước xuống xe không ngoái lại.

Tôi băng qua đường như đang đu trên xiếc không lưới đỡ. Qua được với hai dòng xe xuôi ngược hai dòng chạy như điên như dại. Quả thật tôi thử thách tôi với nỗi điên dại khôn lường.

Tôi rụt rè hỏi cô gái đang oằn lưng trên cái đầu máy cán nước mía bằng tay bên góc đường.

- Cô ngồi nghỉ một chút rồi cháu chờ cô vô đó. Chú Lộc Xuân....

Hoá ra giờ anh là “chú Lộc Xuân ...”. Điền trang Lộc Xuân. Anh quá đổi ngạc nhiên khi thấy tôi đứng trước thềm nhà anh.

Tôi không hẹn mặc dù trước hai ngày anh đã mời.

Thật không ngờ, thật mừng vui khi gặp lại anh ở Saigon nơi chúng tôi đã có những ngày vui thời “của mình” thời của học trò áo trắng quần xanh, thuở hẹn hò xe đạp, ai theo ai cho sách vở biếng lườivà có với nhau những sẻ chia đậm tình ngày tang thương của dân tộc. Buổi hội ngộ vui bừng tim và cũng ngậm ngùi rơi nước mắt. Ai cũng ngỡ không bao giờ còn có thể gặp lại anh trong thế gian này.

Chuyện của tôi và anh sau một chín bảy lăm bỗng như mới hôm qua. Tôi đang bước nhanh băng qua công trường Quách Thị Trang với hai tay hai giỏ xách đầy thuốc tây - thuốc tây lậu đó ai ơi! Đang nín thở vì sợ bị bắt thì nghe có tiếng ai gọi tên mình, rồi chiếc xe Honda 67 đã sát bên mình. Tôi hoảng hốt thụt lùi vì nghĩ đó là công an. Tôi lay hoay chưa biết là ai mà còn dư thì giờ nhớ đến tôi đây, nhất là ở cái đất Saigon xa lạ này thì đã nghe một giọng nói như ra lệnh : “ lên xe anh chờ đi cất hàng cho” . Trời ơi, tôi mơ chắc! . Hay ... thằng cha này nó bị tâm thần khủng điên gì sao. Ai quen ai biết gì đâu mà ra lệnh cứ như người ...ngàn năm xưa. Cái mặt lạ hoắc lạ hươ mà trời!

- LCM đây, lên xe mau...

- Trời ơi, anh hả?

Vậy là không đợi nhắc thêm một lần nữa, tôi trèo lên xe. Anh rô máy phóng nhanh.

Nắng Saigon buổi sáng còn thanh tao và rất đổi dịu dàng con gái mà lâu lắm hôm nay tôi mới được nhận lại tưởng rằng đã thôi không còn gì nữa ngày tháng đã qua. Hai anh em ngồi uống nước ở cái quán xập xệ bên đường. Tôi không còn thấy mẹ con tôi ăn bo bo, mì sợi, bột mì, củ sắn, sắp hàng chờ nhận được miếng thịt ruồi không thềm bu vì ươn, không còn chạy té khói vì bị công an rượt mà tôi đang ngồi ở quán kem Phi Diệp. Qui Nhơn tháng năm vàng hực hỡ của tuổi thanh xuân, của thời con gái, học trò, tình yêu như mây như gió...

- Ai cũng khổ, nhưng hãy ráng lên. Đi thăm nuôi Phú cũng

quá gian nan phải không? Cũng hãy ráng lên! Hãy ráng mà sống!

Anh đứng dậy lấy xe.

- Khi Phú về, nhớ đưa Phú qua để anh cấp cho cái giấy có công ăn việc làm tạm và cũng để phòng thân nếu sau này muốn vượt biên.

Và một điều nhớ cho rõ: không được bỏ Phú dù có đói khổ đến mức nào. Có nghe không?

Tôi ừ. Nhưng Phú chưa về, anh đã bị bắt vì tội “phản động chống nhà nước.” Án tử hình. Hôm xử án tôi đứng ngoài nghe ngóng. Tôi rụng rời. Một người tốt như anh sao lại đành hờ trời? Anh giúp rất nhiều người - người Qui Nhơn và nhất là học sinh Cường Để chúng tôi. Anh giúp cho người thuở loạn ly, tang tóc, đói khổ và sợ hãi. Đâu phải riêng tôi hay Phú.

Nhưng rồi anh được giảm án còn chung thân. Chung thân khổ sai khổ lắm lặn, anh nói. Anh ở tù được hai mươi năm thì được thả về. Con đường tù anh đi cũng như con đường tù Phú đi qua - từ nam ra bắc, từ bắc vô nam lại. Tôi đi theo vừa đủ mười mùa Thu lá rụng - gần hết tuổi thanh xuân một đời.

- Oanh ăn cá đi.

Anh Minh nhắc tôi.

- Ông Phụng không được dành cá của tui nghen.

Tôi ham ăn nên kéo đĩa cá về phía mình không một chút rụt rè.

- Tui có thịt lụt rầu (rồi) dành cá bà chi chớ! Không ăn ngầu (ngồi) đó tui ăn hết đưng (đùng) khóc.

Chao ơi, quê hương đâu phải chỉ chum khế ngọt, đâu phải chỉ chiếc nón nghiêng che, đâu chỉ.... mà quê hương tôi là tiếng Nấu của tôi, là miếng thịt lụt thơm lừng chấm với mắm nêm rau sống và chuối chát... Là bốn con cá đồng chiêm dòn rậm vàng ngậy, là đĩa rau sống tươi hời hời mời gọi, là tô canh rau tập tàng chỉ ở xứ nấu tôi nấu mới ngon, là ngòi xếp bằng dưới nền gạch bóng loáng giữa buổi trưa hè gió nồm mát rười rượi với tiếng gà gáy te te đâu xa cuối xóm ... Mâm cơm đạm bạc

của tình quê hương năm mươi năm trước tôi cũng được ăn như hôm nay ở nhà hàng xóm dưới làng Bằng Châu ngày chạy giặc - ngồi trong cái nia lớn đan bằng tre tròn vành vạnh. Cũng khung cảnh thái hoà yên ắng đến thương đời...

Bữa cơm ngon đến nỗi khi nhìn xuống mâm sau câu chuyện còn tiếng cười, đĩa cá không còn con nào! Tôi chan tôi húp chén canh rau tập tàng đầy tình đầy nghĩa từng húp một. Nó ngọt. Ngọt lắm bởi nó được nêm bằng tình bạn ngọt ngào bao năm!

Ông Phụng cười ngặt nghẽo vì tôi ăn hết cá, chỉ cho ông cái đầu!

Tôi no quá đổi với hai chén cơm không lưng! Anh và Phương vợ anh vui vì khách không làm khách.

Ngày mai tôi trở về Mỹ, giờ này tôi còn ngồi đây cười - đã bốn giờ chiều. Các em, các bạn đang chờ ở Saigon. Anh biết vậy nên anh chở tôi ra chờ xe ngoài đầu ngõ với chiếc xe đời mới (con cái biếu từ Mỹ) thay cho chiếc 67 năm xưa. Hai chiếc xe, hai con người, hai cuộc đời sau mưa sa bão táp vẫn còn giữ được tấm lòng cho nhau điều nghĩa cái tình cùng vui cùng khổ, chia xẻ nhau trong khốn cùng của cuộc đời dẫu gì gì đi nữa!

Anh trải tấm lòng anh trước tôi trong cái khốn, cái khó, cái cùng khổ. Tôi trải tấm lòng tôi trước anh sau tất cả những mảnh đời trên góp lại.

Hai tấm lòng đã níu tôi lên xe để đi thăm anh. Chuyến xe đã chở đầy những cuộc đời trước sau trọn vẹn.

Anh hãy và anh đã giữ được tấm lòng anh với quê hương, với Tổ Quốc và nhất là anh vẫn là người của muôn năm cũ miền Nam thân yêu.

Huỳnh Thị Kim Oanh
Quinhon. Houston.

Bố Già

Làng Đông Ngạc

Phạm Gia Đại



Quê nội của tôi ở làng Đông Ngạc, một ngôi làng khá nổi tiếng cách Hà Nội trên mười cây số, nơi đã sản sinh ra nhiều nhân tài cho đất nước; nhưng quê ngoại lại ở mãi tận Thanh Hóa. Tôi chưa được về quê ngoại bao giờ, trước ngày Di Cư Hiệp Định Genève cắt đôi đất nước 20-7-1954, mẹ tôi đã đưa ông anh thứ hai của tôi về thăm ngoại lần chót để già từ bên ngoại. Mẹ

tôi biểu bên ngoại một số tiền để lặn lưng một mai sẽ cần đến vì bên ngoại vẫn quyến luyến với mảnh đất làng quê nên quyết định ở lại, một quyết định mà sau này các di cho biết gia đình bên ngoại cùng với hàng triệu người dân miền Bắc đã vô cùng hối tiếc –vì quyến luyến quê hương mà cả cuộc đời đã bị vùi dập trong giông bão ngay sau ngày bộ đội Cộng Sản vào tiếp thu Hà Nội. Ông anh tôi theo mẹ về thăm ngoại vài ngày nên chỉ đem theo vài bộ quần áo thay đổi, một đôi giày và cái kính mát, anh đã đưa hết các vật dụng và quần áo của anh đem theo cho các con của mấy dì vì thấy bên ngoại nghèo quá. Trên tay anh chỉ còn cái đồng hồ đeo tay của Pháp, thấy các con dì xúm xít chung quanh

vừa ngắm nghĩa vừa xuyết xoa, chẳng nói một lời anh tôi tháo chiếc đồng hồ và tặng luôn cho mấy cậu em con dì. Ngoại đang ở với gia đình dì Tư trong ngôi làng lớn nhưng cả làng không có bao nhiêu căn xây bằng gạch, hầu hết vẫn là nhà tranh vách đất, và người dân vẫn sống với cái cây cái bừa bên cạnh con trâu già. Những hình ảnh vẫn thường được mô tả trong các truyện ngày xưa, nhất là trong các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, những nét thật đẹp như trong tranh vẽ, thật thanh tịnh nhưng thật nghèo của quê hương Việt đắm chìm tang tóc trong khói lửa chiến tranh, hết Pháp, đến Nhật rồi Việt Minh.

Ông nội tôi là một Đông Y Sĩ hay thường gọi là Thầy Lang, nhưng ở nhà gọi ông là ông Nghị, có thể vì ngày trước có thời ông đã làm nghị viên. Cuộc đời ông cũng có nhiều đặc biệt. Khi ông lấy bà nội thì ông lại được nhạc phụ, là cụ Lang nổi tiếng trong vùng, truyền nghề thuốc ta cho và từ đó ông sống ung dung nhàn hạ với nghề bắt mạch và cắt thuốc cho người dân không chỉ trong làng Đông Ngạc mà cả vùng ngoại thành Hà Nội. Trong mấy người con trai con gái, Ông thương Bố tôi nhất có thể vì ông Nội tôi là con đích tôn và Bố tôi là cháu đích tôn, cho nên khi Bố tôi lập gia đình và làm việc cho cơ quan hỏa xa phải di chuyển nay đây mai đó thì Ông cũng đi theo để săn sóc cho Bố Mẹ tôi và lấy niềm vui của con mình làm niềm vui của mình. Bà nội tôi thì quá hiền, chả thấy bao giờ Bà làm gì trái ý Ông, nên Ông đi đâu thì Bà theo đó. Có một thời gian, ông dự định cưới thêm bà Hai gọi là bà Tré thì bà Ba là em dâu chạy qua nhà kêu bà Nội tôi phải đi đánh ghen vì không thể để như thế được, bà Nội đã từ tốn nói với người em dâu là thím có muốn đi thì thím cứ đi còn trời tôi rồi tôi ở nhà thôi. Bà Nội tôi rất hiền từ và có lẽ vậy mà con cháu được hưởng phúc đức của bà. Sau này ông Nội tôi lấy bà Tré và đưa về nhà và ba ông bà đều sống chung đầm ấm. Bà Nội tôi coi bà Tré như em mình và thân thiết đến độ mẹ tôi phải

ngạc nhiên.

Mẹ tôi vẫn thường kể cho con cháu nghe những mẩu chuyện ngày xưa với giọng ngậm ngùi về quê hương miền Bắc, về những đau thương mất mát, về những nỗi thống khổ của người dân lành dưới bao thời áp bức. Hết tám mươi năm dưới thời Pháp thuộc, lại đến quân phiệt Nhật Bản và Việt Minh. Người Pháp dù đặt ách cai trị lên đầu cổ dân Việt và biến nước ta thành một thuộc địa của họ, nhưng ít ra cũng đem lại cho dân mình cái nhìn cải cách, một lối học tân tiến để biết thay đổi cho canh tân với thế giới bên ngoài chứ không còn cổ hủ lạc hậu với các triều đại phong kiến nữa. Nhưng quân phiệt Nhật khi vào Đông Dương trong thời gian ngắn của thập niên bốn mươi trong Thế Chiến Thứ Hai chẳng những không đem được những gì văn minh và không giúp ích gì được cho dân Việt mà còn gây ra bao tang thương chết chóc dưới sự cai trị tàn bạo của họ. Chính quân phiệt Nhật Bản đã gây ra cái chết tức tưởi của một triệu dân miền Bắc vì chính sách “Nhỏ Lúa Trồng Đay” để phục vụ cho kỹ nghệ chiến tranh của Nhật.

Người Pháp và người Nhật khi vào Đông Dương đã tham lam vơ vét tài nguyên tại thuộc địa để làm giàu cho mẫu quốc và nước Việt đã tan tác và xơ xác dưới những mũi giày xâm lược, nhưng so ra vẫn chưa cực kỳ hung hiểm và bạo tàn như thời kỳ chủ nghĩa Cộng Sản được du nhập vào miền Bắc. Chủ nghĩa Cộng Sản như một căn bệnh dịch nguy hại đã gây ra bao thảm họa tàn phá mang tính diệt chủng suốt từ cuối thập niên ba mươi cho đến tận bây giờ trên bảy chục năm mà hệ lụy vẫn chưa dứt.

Mẹ tôi kể lại suốt cuộc đời sẽ không bao giờ quên được nạn đói tháng Ba năm Ất Dậu 1945. Khi đó quân Pháp đã bị đẩy lùi trên khắp chiến trường và quân phiệt Nhật đang ngự trị tại Đông Dương. Miền châu thổ Sông Hồng là vựa lúa của miền Bắc, và người Việt từ ngàn xưa vẫn sống bằng thực phẩm chính trong nông nghiệp là lúa gạo, nay được

lệnh phải nhổ hết lúa để trồng đay. Nhiều làng quê đã nổi lên chống lại cái lệnh giết người này của quân Nhật và kết quả là chúng đem quân về giết dân làng, hoặc nhiều lý trưởng đã bị sỹ quan Nhật dùng kiếm chặt đứt tay chân trước mặt dân làng để răn đe những ai dám cả gan chống lại lệnh của họ. Và việc gì phải đến đã đến, một triệu người dân đã chết thảm vì nạn đói, họ chết sau khi đã đào bới tất cả những gì có thể ăn được. Thấy người chết đầy làng quê, dọc theo các tỉnh lộ, và chết ngay trên đường phố các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương. Mỗi buổi sáng khi mở cửa, hàng trăm xe bò nườm nượp chất đầy xác người đi ngang qua nhà. Có nhiều người vừa đến được thành phố sau bao nhiêu ngày lang thang thất thểu từ miền quê lên, khi ngửa tay xin bát cơm thì ngã ra chết trước khi ăn được miếng cơm. Nhiều người khác vừa ăn được bát cơm đầy thì chết vì bội thực vì dạ dày cả thời gian dài không có gì đã phản ứng lại. Mẹ tôi kể lại mà giọng vẫn còn xúc động, mẹ nói quân Nhật vô cùng tàn ác, con cháu chúng ta phải bảo nhau đừng bao giờ quên tội ác tày trời này của quân Nhật, thủ phạm đã gây ra nạn đói năm Ất Dậu 1945. Người ta vẫn hay đưa ra những lý do chiến tranh, hay “giải phóng”, hay chống “Thực Dân” để phạm tội ác diệt chủng mà quân phiệt Nhật Bản và Việt Minh là biểu tượng rõ nhất trên quê hương Việt.

Thế rồi chiến tranh tràn lan khắp đất Bắc, bom đạn khắp nơi và hầu như chẳng còn nơi nào là chốn an bình nữa. Đầu năm 1941, Bố tôi được điều động lên Yên Bái làm việc và ông bà Nội cũng dọn đi theo. Một buổi tối mùa Đông, tiết trời trở lạnh bất thường giá rét căm căm, sương mù dày đặc, và mưa giăng mắc khắp núi đồi, cảnh vật cũng nhuốm màu bi thương như số phận quê hương miền Bắc. Khi ông Nội tôi đang chuẩn bị tắt mấy ngọn đèn dầu để đi ngủ thì nghe một tiếng động mạnh trước cửa. Từ ngày lên Yên Bái, Bố tôi được sở Hỏa Xa chu cấp cho một căn nhà nhỏ nằm nửa

đường lên tỉnh và không xa với các bản làng dân Thiều Số người Mường bao nhiêu. Trong khu vực chỉ có vài căn nhà và rất yên tĩnh ít có người lui tới, nhất là nửa đêm nửa hôm mưa gió như thế này. Bố tôi bèn lấy cây đèn pin ra mở cửa thì thấy một người đàn ông nằm sõng soài trên mặt đất với một bên vai áo thấm đẫm máu. Bố tôi vội kêu ông Nội cùng kéo được người đó vào trong nhà để nằm trên tấm phản gỗ, lấy khăn lau khô người và thay cho bộ quần áo mới, và ông Nội lấy ra một gói thuốc đã tán sẵn rịt lại vết thương. Cả gia đình đều ngạc nhiên ngồi bên cạnh tấm phản quên cả đi ngủ. Một lát sau người lạ mặt đó tỉnh lại và gượng ngồi dậy, nhưng Bố tôi đã ra hiệu cho nằm xuống để tĩnh dưỡng. Lúc này mới nhìn thấy rõ đó là một người trạc trung tuần, thân thể tráng kiện và giống người thiểu số nhiều hơn là người Kinh. Đêm hôm đó ông Nội bảo mọi người đi ngủ, còn ông ngồi bên cạnh tấm phản gỗ cho đến sáng. Người bị thương được ông Nội cứu sống đêm hôm đó sau này đã trở thành Bõ Già, một người thân tín của gia đình họ Phạm vì Bõ không còn ai thân thích nên Bố tôi để cho Bõ ở lại với gia đình. Lúc đầu Bõ không hề nói gì về thân thích của mình và gia đình cũng mừng tượng rằng Bõ đã trải qua một giai đoạn rất bi thương trong cuộc đời nên không muốn gọi lại vết thương đó. Mãi sau này khi cảm ân cứu mạng và được gia đình nhận vào làm một thành viên thì Bõ mới kể lại câu chuyện về đêm mưa gió ấy. Bõ thuộc một gia đình người Tày ở bên kia quả núi và cả đời chỉ biết làm rẫy lên nương và tưởng rằng đời mình cứ an vui bên cạnh luống khoai nướng sẵn. Một hôm tối trời chợt có một đơn vị du kích vào bản làng, họ gom hết dân làng lại để tuyên truyền cho “Cách Mạng” chống Thực Dân. Một người trong nhóm họ nói được chút ít tiếng Tày ra lệnh cho dân làng từ nay mỗi tuần phải đóng góp cho “Cách Mạng” lúa gạo hoa mầu và gà vịt và họ sẽ cử người về thu góp. Trước khi ra đi, họ cho biết họ là Việt Minh, và những ai trái lệnh sẽ bị xử

phạt nghiêm khắc. Những người dân trong bản đều hãi sợ và lo lắng vì cuộc sống của họ bỗng dưng bị đảo lộn. Bình thường dân làng đã gặp nhiều khó khăn và mùa màng hay thất bát vì thời tiết bất thường nay lại phải gom góp các lúa gạo hoa màu thì dân làng còn gì mà sinh sống. Rồi từ đó cứ mỗi tuần một toán du lịch lại về làng thu gom hết hoa màu, họ lục các sạ gạo, đóc hết các thúng đựng khoai ngô sắn ra và đem đi không để lại một thứ gì. Trước mũi súng và dao mã tấu, dân làng đành thúc thủ. Ông già của Bõ là người đứng đầu bản làng và là người được dân bản tin yêu nhất nên ông không thể khoanh tay ngồi yên nhìn người dân bản chết đói. Một lần khi họ về thu gom hoa màu, ông đã điều đình với nhóm du kích để hạ thuế thu gom xuống nhưng không có kết quả và họ vẫn chờ đi hết các hoa màu trông thấy trong bản làng. Tưởng rằng như thế rồi cũng qua đi nhưng một hôm tai họa đổ xuống bản làng. Một buổi chiều trời vừa sẩm tối và trăng còn non, có ba người du kích trong đó có một tay chỉ huy mò về làng và gọi ông già của Bõ ra ngoài ven suối làm việc, bà mẹ già của Bõ cũng đi theo chồng và Bõ bí mật theo dõi phía sau vì cảm thấy một điều gì bất thường. Lúc đó Bõ nghĩ đơn giản là du kích gọi ông già ra để yêu cầu phải theo đúng chỉ thị thu gom thực phẩm cho Việt Minh, nhưng tay chỉ huy rút trong túi ra một bản án “phản cách mạng” dành cho ông già của Bõ và ra lệnh cho hai du kích kia dùng mã tấu hạ sát ông già, bà mẹ Bõ thương chồng nhảy ra ôm lấy chồng cũng bị chém ngang lưng. Thấy bố mẹ mình bị thảm sát như vậy, quá căm phẫn và bất chấp hiểm nguy, Bõ đã từ lùm cây nhảy ra và giết được thanh mã tấu và giết chết ba tên du kích, nhưng Bõ cũng bị một nhát dao sâu vào vai. Sau khi đẩy xác ba tên du kích xuống dòng suối, Bõ vội chôn cất bố mẹ của mình và gom ít vật dụng trong tay nải rồi phóng hỏa đốt căn chòi và hướng về thành phố vượt núi đi trong đêm tối khi trời đang chuyển mưa. Đến đêm khi vượt được một ngọn núi và

đến trước cửa nhà của Bồ mẹ tôi thì Bồ bất tỉnh vì kiệt sức và mất quá nhiều máu. Bồ ngừng kể và nhìn ông Nội tôi và nói rằng mình không thể sống với Việt Minh được đâu và trước sau cũng phải tìm đường về thành phố vì Việt Minh sắp chuyển quân qua khu vực thung lũng này để tiến về tỉnh lỵ Yên Bái.



Ruộng bậc thang tại Yên Bái

Lời tiên đoán của Bồ đã thành sự thực khi không bao lâu sau một đơn vị Việt Minh di chuyển bí mật qua khu rừng già bên cạnh vào ban đêm. Đoàn quân Việt Minh thời đó được gọi là những đoàn quân ma vì chuyên đi trong đêm tối ngấm tẩm như những bóng ma. Để giữ tuyệt đối bí mật, họ ra lệnh giết hết các chó nuôi trong nhà dân trong vùng vì sợ tiếng chó sủa trong đêm sẽ lộ thành tích của đoàn quân ma. Bồ mẹ tôi có nuôi con Vện, một con chó nhỏ trung thành mà cả gia đình đều yêu mến. Nó rất khôn và như hiểu tiếng người cho nên từ ngày ấy con Vện chỉ đi ra vào trong nhà như một cái bóng và không hề sủa dù thấy người lạ. Thế nhưng Việt Minh vẫn không chịu và ra lệnh phải giết hay nộp hết các chó nhà cho họ. Mẹ tôi đành phải

gọi con Vện đến bên cạnh và nói với nó rằng Mẹ rất đau lòng nhưng không thể nuôi nó được nữa và nó nên chạy vào rừng. Không biết nó hiểu lời của Mẹ hay sao mà thấy hai giọt nước mắt của nó lăn xuống má và rồi nó cúp đuôi chạy một mạch vào rừng. Tối hôm đó nó về và cào nhẹ vào cửa sau nhà, Mẹ tôi mở cửa đón nó vào cho ăn uống no nê xong, nó lại chạy vào rừng. Thế nhưng không hiểu sao Việt Minh họ vẫn biết là nhiều nhà dân vẫn còn nuôi chó mà không chịu giết, và hạ lệnh lần cuối phải đem nộp cho họ các con chó còn nuôi trong nhà này nếu không chủ nhà sẽ chịu trách nhiệm.

Biết không thể che chở mãi cho con Vện và vì muốn cứu nó nên Ông Bà Nội và Bố Mẹ tôi cùng Bõ quyết định tìm đường về thành phố Yên Bái. Để dò đường vào thành phố, Bõ phải vắng nhà trong một thời gian và ba ngày sau Bõ mới trở về trong bộ quần áo lấm lem và rách nhiều chỗ vì gai rừng. Bõ nói cho gia đình biết các đường lộ khu vực quanh đây Việt Minh đều đã phục kích hoặc đã gài mìn cho nên chỉ còn cách đi bằng đường sông là an toàn hơn cả. Tối hôm đó trời âm u và tối như mực, Bõ đi trước dẫn đường cho ông Bà Nội và Bố Mẹ tôi theo sau và con Vện sau chót, mỗi người một tay nải và một gậy tre để chống đi đường và hướng về phía bờ suối. Đoàn người di chuyển chầm chậm dọc theo bờ suối mà trong lòng thấp thỏm vì nếu du kích bắt được và biết gia đình đi về Thành thì khó mà toàn thây. Sau gần một tiếng đồng hồ lội nước mới đến chỗ Bõ đầu chiếc thuyền nan rồi cả gia đình và con Vện mới lên được thuyền để chèo bọc qua vùng Việt Minh phục kích. Khi về đến thành phố, chính Bố tôi đã nắm tay Bõ rất lâu mà cảm ơn, vì Bõ không những là một quản gia trung thành mà còn là một ân nhân của gia đình và nhờ Bõ nên đã cứu được cả con Vện.

Một thời gian sau, ông Nội tôi quyết định trở về quê và lần này thì Bố mẹ tôi và Bõ cùng con Vện lại theo ông về

làng Đông Ngạc để mở cửa hiệu thuốc Bắc vì theo ông ở đó sẽ yên lành hơn những thành phố khác. Bố Mẹ tôi trú chân tại làng Đông Ngạc qua suốt thời gian cuối của Thế Chiến Thứ Hai cho đến đầu thập niên năm mươi mới di chuyển ra Hải Phòng và ở đó cho đến ngày Di Cư vào Nam. Trong thời gian ở Đông Ngạc, Bố sức yếu dần vì nhuốm bệnh phổi và dù ông Nội tôi đã hết sức chạy chữa và Bố tôi đưa Bố ra bệnh viện tại Hà Nội để điều trị nhưng lúc đó chưa có thuốc đủ mạnh để trị bệnh phổi, nên gia đình đã đưa Bố về nhà để tĩnh dưỡng và sống những ngày cuối đời với gia đình. Bố đã ra đi trong thanh thản an bình vào một buổi tối cuối Đông, một buổi tối cũng có gió heo may se lạnh và mưa giăng mắc như hôm nào Bố đã ngã xuống trước cửa nhà Bố Mẹ tôi trong vùng thung lũng Yên Bái.

Mẹ tôi năm nay tuổi hạc đã cao, mẹ ngồi trên xe lăn kể chuyện đời xưa, mắt mờ màng nhìn về xa xăm và Mẹ nói như tự nhủ thầm: “Cuộc đời con người ta có nhiều nhân duyên thật kỳ ngộ. Con người ta tìm đến với nhau để giúp đỡ cứu mang nhau trong thời binh đao khói lửa, để đưa nhau qua cửa tử để đến với cửa sinh, rồi từ già cõi trần để lại xa nhau. Mẹ muốn nói đến ngày xưa có những con người trung thành và tận tụy với gia đình như Bố già vậy. Bố không phải là người làng Đông Ngạc nhưng Bố đã nằm xuống trong ngôi làng nổi danh đó của bên Nội.”

Phạm Gia Đại